TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Nhàn
2. Ông Trương Văn Te

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Thành Trung

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên

Ngày 22/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20/4/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: anh Phạm H, sinh năm 1987

Địa chỉ: số 87, ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre

- **Bị đơn**: chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1995

Địa chỉ: số 497, ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre

(anh H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; chị Hân vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn anh Phạm H trình bày:

Anh H và chị Nguyễn Thị N kết hôn vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 06/7/2021. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay anh H xác định không còn

tình cảm với chị Hân nữa, anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: anh Phạm H yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: anh Phạm H và chị Nguyễn Thị N có 1 con chung: Phạm Huỳnh B, sinh ngày 06/10/2021. Anh H yêu cầu để chị Hân trực tiếp nuôi con chung, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: anh Phạm H khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: anh Phạm H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên anh Phạm H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị N đến để tiến hành hòa giải nhưng chị Hân vẫn vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện G mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay,

Nguyên đơn anh Phạm H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chị Nguyễn Thị N đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Anh Phạm H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị N và yêu cầu để chị Hân trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị N có địa chỉ cư trú tại ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân

sự, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Anh Phạm H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Hân.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm H và chị Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 06/7/2021. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, anh H cho rằng anh và chị Hân bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn. Anh H đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành; nay anh xác định không còn tình cảm với chị Hân nữa nên xin được ly hôn. Về phía chị Hân, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị Hân tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Hân đã không đến Tòa án và cũng không có gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh H. Qua đó, cho thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn; chị Hân có thái độ bỏ mặc, không hề có ý mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh H.

Từ những phân tích trên xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Phạm H và chị Nguyễn Thị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì cả hai bên đều không ai mong muốn đoàn tụ, mục đích hôn nhân vì thế không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[2.2] Về con chung: anh Phạm H và chị Nguyễn Thị N có 1 con chung: Phạm Huỳnh B, sinh ngày 06/10/2021. Anh H yêu cầu sau khi ly hôn để chị Hân trực tiếp nuôi con chung, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy, cháu Phạm Huỳnh B còn rất nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) hiện đang sống với mẹ và có cuộc sống, sinh hoạt ổn định. Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Anh H đồng ý để chị Hân tiếp tục nuôi con và phía chị Hân cũng không có ý kiến gì về vấn đề con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị Hân trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi

con, xét thấy hiện tại trong vụ án này chị Hân không có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Hân có quyền yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn bằng 1 vụ kiện khác.

[2.3] Về tài sản chung: anh Phạm H khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: anh Phạm H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, anh Phạm H phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm H đối với bị đơn chị Nguyễn Thị N, cụ thể tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm H được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: giao cháu Phạm Huỳnh B, sinh ngày 06/10/2021 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con, xét thấy hiện tại trong vụ án này chị Hân không có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Hân có quyền yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn bằng 1 vụ kiện khác.

Sau khi ly hôn, anh H được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: anh Phạm H khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: anh Phạm H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh Phạm H phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003351 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Anh H đã nộp xong tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: anh Phạm H và chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương